

자주 vs 가끔 vs 종종

thường xuyên · thỉnh thoảng · đôi khi, lâu lâu

Cả ba đều trả lời câu hỏi “bao lâu một lần?”, nhưng ở các mức khác nhau: 자주 là thường xuyên, 가끔 là thỉnh thoảng, còn 종종 nằm ở giữa, hơi trang trọng hơn một chút.

Tổng quan

Từ	Nghĩa cốt lõi	Sắc thái	Mẫu thường gặp
자주	thường xuyên, hay	Tần suất cao nhất. Là từ duy nhất dùng trong câu hỏi với 얼마나, và đi được với 아주 / 너무.	자주 가다/만나다 얼마나 자주
가끔	thỉnh thoảng, lâu lâu	Tần suất thấp. Dạng thường gặp: 가끔씩, 가끔은, 아주 가끔 (rất hiếm khi).	가끔 (가끔씩, 가끔은) 아주 가끔
종종	đôi khi, khá thường	Nằm giữa hai từ kia; hơi trang trọng hơn, thường gặp trong văn viết và tin tức. Hiếm khi được nhấn mạnh bằng 아주.	종종 있다 종종 -곤 하다

Khác nhau thế nào

1. Một thang tần suất. Hãy hình dung một đường thẳng: 자주 (thường xuyên) > 종종 (đôi khi) > 가끔 (thỉnh thoảng). Đi đâu đó bốn lần một tuần là 자주; một hai lần một năm là 가끔.
2. “Bao lâu một lần?” chỉ dùng 자주. 얼마나 자주 와요? (Bạn có hay đến đây không?) ○ / 얼마나 가끔 와요? ✕. 자주 và 가끔 đi với 아주: 아주 자주 (rất thường xuyên), 아주 가끔 (rất hiếm khi); 아주 종종 nghe lạ.
3. “Không thường” ≠ 가끔 안. “Tôi không hay uống rượu” là 자주 안 마세요. 가끔 안 마세요 nghĩa là “thỉnh thoảng tôi không uống”, không giống nhau. Người học hay dùng nhầm 가끔 ở đây.
4. 종종 trang trọng hơn một chút. 종종 hoàn toàn dùng được trong văn nói, nhưng mang cảm giác hơi văn viết và thường gặp trong tin tức: 이런 사고가 종종 일어난다 (những tai nạn như thế này đôi khi xảy ra). Trong giao tiếp thân mật, 가끔 và 자주 phổ biến hơn nhiều.

Câu	자주	가끔	종종
얼마나 ____ 운동해요?	◎	✕	✕
1년에 한두 번, 아주 ____ 고향에 가요.	✕	◎	✕
이런 실수는 초보자에게서 ____ 볼 수 있다.	◎	○	◎
시험에 ____ 나오는 단어부터 외우세요.	◎	○	○
자주는 아니지만 ____ 연락해요.	✕	◎	○

◎ tự nhiên ○ được △ gượng ✕ sai

Tìm hiểu thêm

Với sự lặp lại đều đặn như “mỗi cuối tuần”, dùng 마다: 주말마다 운동해요. 가끔 còn xuất hiện dưới dạng 가끔씩 với cùng nghĩa, và 가끔은 thêm nghĩa “ít nhất thỉnh thoảng”: 가끔은 쉬어야 해요 (thỉnh thoảng bạn cũng cần nghỉ ngơi).

Luyện tập

Điền từ thích hợp vào chỗ trống: 자주, 가끔, 종종

1. 얼마나 ____ 한국 음식을 먹어요?
Đáp án 자주 — “Bao lâu một lần” = 얼마나 자주.
2. 요리는 잘 안 해요. 아주 ____ 해요.
Đáp án 가끔 — Hầu như không nấu ăn = 아주 가끔 (rất thỉnh thoảng).
3. 고향에는 1년에 한두 번, ____ 가요.
Đáp án 가끔 — Một hai lần một năm chỉ là “thỉnh thoảng”.
4. 일주일에 다섯 번이나 가니까 정말 ____ 가는 편이에요.
Đáp án 자주 — Năm lần một tuần, với 정말 = rất thường xuyên.
5. 겨울철에는 이런 사고가 ____ 발생한다. (뉴스 문체, ‘자주’와 ‘가끔’의 중간)
Đáp án 종종 — Văn phong tin tức, giữa “thường xuyên” và “thỉnh thoảng” = 종종.

Ví dụ trong câu

- 1 저는 주말에 친구들과 자주 만나요.
Cuối tuần tôi thường gặp bạn bè.
- 2 이 카페에 자주 와요?
Bạn có hay đến quán cà phê này không?
- 3 가끔 혼자 영화를 봐요.
Thỉnh thoảng tôi đi xem phim một mình.
- 4 요즘도 가끔 그 사람 생각이 나요.
Đến giờ thỉnh thoảng tôi vẫn nghĩ về người đó.
- 5 비가 오면 버스가 종종 늦게 와요.
Khi trời mưa, xe buýt hay bị trễ.
- 6 할머니 댁에 종종 놀러 가요.
Lâu lâu tôi lại đến thăm nhà bà.

Lỗi thường gặp

- ✕ 얼마나 가끔 운동해요?
○ 얼마나 자주 운동해요?
“Bao lâu một lần” luôn là 얼마나 자주, kể cả khi bạn đoán câu trả lời là “không thường lắm”.
- ✕ 술을 좋아하지 않아서 가끔 안 마세요.
○ 술을 좋아하지 않아서 자주 안 마세요.
“Tôi không hay uống rượu” là 자주 안 마세요; 가끔 안 마세요 nghĩa là “thỉnh thoảng tôi không uống”, không hợp với lý do.
- ✕ 한국어를 자주 하시네요! 발음이 정말 좋아요.
○ 한국어를 잘하시네요! 발음이 정말 좋아요.
자주 chỉ nói về tần suất; để khen kỹ năng, dùng 잘 (giỏi).